

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ NÀY LÀ DỰ THẢO BAN ĐẦU DO NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM KHỞI THẢO PHỤC VỤ VIỆC CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỂ BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN RA CÔNG CHÚNG TRONG QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM. DỰ THẢO NÀY CÓ THỂ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRƯỚC KHI DIỄN RA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐẦU TIÊN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM. DỰ THẢO NÀY CŨNG CÓ THỂ ĐƯỢC SỬA ĐỔI THEO Ý KIẾN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐÓ. DO VẬY, BẢN ĐIỀU LỆ CUỐI CÙNG KHI ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐẦU TIÊN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM SẼ CÓ THỂ KHÁC BIỆT ĐÁNG KỂ SO VỚI DỰ THẢO NÀY.

MỤC LỤC

Điều	Trang
PHẦN MỞ ĐẦU.....	5
MỤC I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Định nghĩa.....	5
MỤC II. THÔNG TIN CHUNG VỀ VIETINBANK.....	8
Điều 2. Thông tin chung về Vietinbank.....	8
MỤC III. LĨNH VỰC, MỤC TIÊU VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	9
Điều 3. Lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu của Vietinbank.....	9
Điều 4. Hoạt động kinh doanh của Vietinbank.....	9
Điều 5. Huy động vốn.....	9
Điều 6. Cấp tín dụng.....	10
Điều 7. Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ.....	10
Điều 8. Các hoạt động kinh doanh khác.....	10
Điều 9. Tài khoản.....	11
MỤC IV. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG.....	11
Điều 10. Vốn điều lệ.....	11
Điều 11. Tăng và giảm Vốn điều lệ.....	12
Điều 12. Các nguồn vốn hoạt động của Vietinbank.....	12
MỤC V. CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN KHÁC.....	12
Điều 13. Các loại cổ phần.....	12
Điều 14. Chào bán cổ phần.....	13
Điều 15. Chuyển nhượng và kế thừa cổ phần.....	14
Điều 16. Giới hạn sở hữu cổ phần.....	16
Điều 17. Thu hồi cổ phần.....	16
Điều 18. Cổ phiếu.....	17
Điều 19. Phát hành các loại chứng khoán khác.....	18
MỤC VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....	18
Điều 20. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát.....	18
MỤC VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	18
Điều 21. Cổ đông.....	18
Điều 22. Quyền của cổ đông phổ thông.....	19
Điều 23. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông.....	20
Điều 24. Sổ đăng ký cổ đông.....	20
Điều 25. Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 26. Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	21
Điều 27. Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	21
Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 29. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	24

Điều 30.	Uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 31.	Thay đổi các quyền.....	25
Điều 32.	Triệu tập Đại hội cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 33.	Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 34.	Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 35.	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 36.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	30
Điều 37.	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	31
Điều 38.	Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	32
MỤC VIII.	ĐIỀU KHOẢN CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....	32
Điều 39.	Nhiệm vụ chung.....	32
Điều 40.	Những người không được tham gia quản trị, kiểm soát và không được giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc.....	33
Điều 41.	Đương nhiên mất tư cách.....	33
Điều 42.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm.....	34
Điều 43.	Tạm đình chỉ quyền quản trị, kiểm soát, điều hành.....	34
MỤC IX.	CÁC NGHĨA VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH.....	35
Điều 44.	Nghĩa vụ thận trọng	35
Điều 45.	Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi.....	35
Điều 46.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	36
MỤC X.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	37
Điều 47.	Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.....	37
Điều 48.	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	38
Điều 49.	Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị.....	41
Điều 50.	Lương, thưởng và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị.....	42
Điều 51.	Thay thế thành viên Hội đồng quản trị	43
Điều 52.	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	44
Điều 53.	Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị.....	49
Điều 54.	Thư ký.....	49
MỤC XI.	TỔNG GIÁM ĐỐC.....	49
Điều 55.	Tổng Giám đốc.....	49
Điều 56.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.....	50
Điều 57.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	51
MỤC XII.	BAN KIỂM SOÁT	52
Điều 58.	Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát.....	52
Điều 59.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.....	52

Điều 60.	Nhiệm vụ, quyền hạn các thành viên Ban kiểm soát	54
Điều 61.	Thay thế thành viên Ban kiểm soát.....	56
Điều 62.	Các cuộc họp của Ban kiểm soát.....	57
MỤC XIII.	CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA VIETINBANK.....	60
Điều 63.	Cơ cấu tổ chức của Vietinbank.....	60
Điều 64.	Cơ cấu tổ chức của trụ sở chính	60
Điều 65.	Bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc.....	60
Điều 66.	(Các) Đơn vị phụ thuộc, Đơn vị sự nghiệp.....	60
Điều 67.	(Các) công ty trực thuộc.....	61
MỤC XIV.	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ VIETINBANK.....	62
Điều 68.	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	62
MỤC XV.	NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ ĐOÀN THỂ.....	62
Điều 69.	Người lao động và công đoàn.....	62
Điều 70.	Hoạt động của Tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội tron Vietinbank.....	62
MỤC XVI.	PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	63
Điều 71.	Cổ tức.....	63
MỤC XVII.	HỆ THỐNG KIỂM TOÁN, KIỂM TRA VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ.....	64
Điều 72.	Hội đồng kiểm toán.....	64
Điều 73.	Hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ	65
Điều 74.	Tiêu chuẩn nhân viên Bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ chuyên trách	65
Điều 75.	Trách nhiệm của Bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ chuyên trách.....	65
Điều 76.	Quyền hạn của Bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ chuyên trách.....	65
MỤC XVIII.	CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN.....	66
Điều 77.	Chế độ tài chính.....	66
Điều 78.	Sử dụng vốn.....	66
Điều 79.	Các quỹ dự trữ.....	66
Điều 80.	Tự chủ về tài chính của Vietinbank.....	66
Điều 81.	Kế toán và thuế.....	66
Điều 82.	Báo cáo tài chính	67
Điều 83.	Công bố thông tin	67
Điều 84.	Kiểm toán	67
MỤC XIX.	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	68
Điều 85.	Kiểm soát đặc biệt.....	68
Điều 86.	Phá sản Vietinbank.....	68
Điều 87.	Giải thể Vietinbank.....	68
Điều 88.	Thanh lý Vietinbank.....	69
MỤC XX.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	69
Điều 89.	Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.....	69

Điều 90.	Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	69
MỤC XXI.	THÔNG MỤC TIN VÀ BẢO MẬT.....	70
Điều 91.	Thông tin định kỳ	70
Điều 92.	Nghĩa vụ bảo mật	70
MỤC XXII.	ĐIỀU KHOẢN HIỆU LỰC.....	70
Điều 93.	Áp dụng trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật thay đổi.....	70
Điều 94.	Sửa đổi, bổ sung.....	70
Điều 95.	Ngày hiệu lực.....	70

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Quyết định số 1354/QĐ-TTg ngày 23 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam sẽ chuyển thành Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (sau đây gọi là “Vietinbank”) hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần do nhà nước nắm quyền chi phối. Vietinbank được thực hiện hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Vietinbank được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định hiện hành của NHNN và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông của Vietinbank biểu quyết thông qua tại cuộc họp tổ chức ngày [#] tháng [#] năm 2009.

MỤC I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trừ trường hợp văn cảnh yêu cầu khác đi, khi được sử dụng trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

“**Ban điều hành**” có nghĩa là ban gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Vietinbank được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

“**Ban kiểm soát**” có nghĩa là Ban kiểm soát của Vietinbank.

“**Cổ đông**” có nghĩa là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Vietinbank và đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Vietinbank với tư cách một người nắm giữ (các) cổ phần.

“**Cổ đông chiến lược**” có nghĩa là các cổ đông trong nước hoặc cổ đông nước ngoài có uy tín, có năng lực tài chính và khả năng hỗ trợ Vietinbank trong phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, nâng cao năng lực quản trị, điều hành và áp dụng công nghệ hiện đại; có lợi ích chiến lược phù hợp với chiến lược phát triển của Vietinbank, đáp ứng các tiêu chí cụ thể do Vietinbank quy định.

“**Cổ đông lớn**” có nghĩa là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Vietinbank.

“**Cổ phiếu**” có nghĩa là chứng chỉ do Vietinbank phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Vietinbank. Cổ phiếu phát hành dưới hình thức chứng chỉ có thể là cổ phiếu ghi tên hoặc cổ phiếu không ghi tên theo quy định của Điều lệ này.

“**Đại hội đồng cổ đông**” có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Vietinbank.

“**Hội đồng quản trị**” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Vietinbank.

“Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” có nghĩa là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Vietinbank do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp (được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm).

“Giấy phép thành lập và hoạt động” có nghĩa là Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietinbank do NHNN cấp (được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm).

“Luật các tổ chức tín dụng” có nghĩa là Luật số 07/1997/QH10 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 12 năm 1997 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 20/2004/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2004).

“Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

“Người có liên quan” có nghĩa là tổ chức, cá nhân có quan hệ với một tổ chức, cá nhân khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- (i) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; ngân hàng với công ty trực thuộc của ngân hàng và ngược lại; các công ty có cùng công ty mẹ với nhau; các công ty trực thuộc của cùng ngân hàng với nhau;
- (ii) Công ty đối với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty đó hoặc người, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
- (iii) Công ty đối với cá nhân sở hữu từ mười phần trăm (10%) vốn có quyền biểu quyết trở lên tại công ty đó và ngược lại;
- (iv) Những người có quan hệ thân thuộc với nhau, gồm: vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột;
- (v) Công ty đối với người có quan hệ thân thuộc (theo quy định tại đoạn (iv) trên đây) của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) vốn có quyền biểu quyết của công ty đó và ngược lại;
- (vi) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại các đoạn (i), (ii), (iii), (iv) và (v) trên đây đối với người uỷ quyền.

“Người quản lý” có nghĩa là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành và các chức danh quản lý khác của Vietinbank.

“NHNN” có nghĩa là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

“Pháp luật” có nghĩa là tất cả các văn bản được liệt kê tại (i) Điều 2 và Điều 95.2 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội thông qua ngày 3 tháng 6 năm 2008, và (ii) Điều 1.2 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 3 tháng 12 năm 2004 và nếu các điều này được sửa đổi hoặc bổ sung, thì bao gồm cả các văn bản sau này được quy định là văn bản quy phạm pháp luật theo các văn bản sửa đổi hoặc bổ sung đó.

“Sổ đăng ký cổ đông” là một tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai ghi nhận thông tin và việc sở hữu cổ phần của từng cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.

“Sở giao dịch chứng khoán” có nghĩa là Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội hoặc bất kỳ tổ chức nào có chức năng niêm yết hoặc đăng ký chứng khoán để giao dịch theo quy định của pháp luật có liên quan, kể cả bất kỳ tổ chức kế nhiệm nào của một trong số các tổ chức này.

“Thành viên HĐQT điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị đồng thời nắm giữ một hoặc nhiều chức danh khác tại Vietinbank với nhiệm vụ, quyền hạn nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị.

“Thành viên HĐQT không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không đồng thời nắm giữ bất kỳ một chức danh nào khác tại Vietinbank với nhiệm vụ, quyền hạn nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị.

“Thành viên HĐQT độc lập” là thành viên Hội đồng quản trị có khả năng đưa ra các đánh giá khách quan, trung thực sau khi xem xét tất cả các thông tin và các quan điểm có liên quan mà không chịu ảnh hưởng của bất cứ thế lực nào và không thuộc các trường hợp:

- (i) Được Vietinbank hoặc công ty trực thuộc của Vietinbank tuyển dụng vào thời điểm hiện tại hoặc bất kỳ thời điểm nào trong vòng ba (3) năm liền kề trước đó;
- (ii) Hiện đang hưởng bất kỳ khoản lương, phụ cấp nào của Vietinbank ngoài những khoản được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;
- (iii) Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên đó đang làm việc cho Vietinbank hoặc công ty trực thuộc của Vietinbank;
- (iv) Có người có liên quan đang là người quản lý Vietinbank hoặc công ty trực thuộc của Vietinbank;
- (v) Bản thân thành viên đó trực tiếp hoặc đại diện sở hữu từ một phần trăm (1%) vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Vietinbank trở lên; hoặc cùng người có liên quan của thành viên đó sở hữu từ năm phần trăm (5%) vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Vietinbank trở lên;
- (vi) Là người quản lý trong ngân hàng trong năm (5) năm liền kề trước đó; và
- (vii) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

“Vietinbank” có nghĩa được quy định trong phần giới thiệu Điều lệ trên đây.

“Vốn điều lệ” là vốn do tất cả cổ đông thực góp và được ghi vào Điều lệ này.

2. Giải thích

- (a) Nghĩa của các thuật ngữ được định nghĩa tại Điều 1.1 được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Trừ trường hợp văn cảnh cụ thể quy định khác, các từ được dùng ở dạng số ít cũng bao gồm ý nghĩa dùng ở dạng số nhiều và ngược lại.
- (b) Các tiêu đề được đưa vào chỉ tiện theo dõi và không ảnh hưởng đến việc giải thích các mục hoặc các đoạn của Điều lệ này.
- (c) Dẫn chiếu đến bất kỳ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế của chúng.

MỤC II. THÔNG TIN CHUNG VỀ VIETINBANK**Điều 2. Thông tin chung về Vietinbank****1. Tên gọi của Vietinbank**

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt : NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tên viết tắt bằng tiếng Việt : [#]

Tên đầy đủ bằng tiếng Anh : VIETNAM JOINT STOCK BANK FOR
INDUSTRY AND TRADE

Tên viết tắt bằng tiếng Anh : VIETINBANK

2. Địa chỉ và các thông tin khác

Địa chỉ trụ sở chính : Số 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số điện thoại : [#]

Số fax : [#]

Biểu trưng (logo)



Địa chỉ thư điện tử (email) :[#]

Trang thông tin điện tử (website) :[#]

3. Vietinbank được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần và có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

4. Vietinbank có thể thành lập chi nhánh, sở giao dịch, văn phòng đại diện và công ty trực thuộc hoạt động trong và ngoài nước theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam.

5. Đại diện theo pháp luật của Vietinbank là [Chủ tịch Hội đồng quản trị].

6. Trừ trường bị chấm dứt trước hoặc được gia hạn theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam, thời hạn hoạt động của Vietinbank là [chín mươi chín (99)] năm kể từ ngày NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

MỤC III. LĨNH VỰC, MỤC TIÊU VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Điều 3. Lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu của Vietinbank

1. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Vietinbank là kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các dịch vụ tài chính, tiền tệ, ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu

(a) Mục tiêu chính của Vietinbank là thường xuyên tăng trưởng về lợi nhuận, góp phần thực hiện các chính sách tiền tệ quốc gia nhằm phục vụ sự phát triển kinh tế đất nước, đặc biệt là trong lĩnh vực đầu tư phát triển, trên cơ sở đó xây dựng Vietinbank trở thành một tập đoàn tài chính đa năng, có uy tín, có công nghệ hiện đại, phát triển ổn định, bền vững và an toàn.

(b) Vietinbank có thể thực hiện các mục tiêu khác phù hợp yêu cầu trong từng thời kỳ và phù hợp với quy định pháp luật có liên quan. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu đó cần được NHNN chấp thuận, thì Vietinbank chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi NHNN đã có văn bản chấp thuận.

Điều 4. Hoạt động kinh doanh của Vietinbank

1. Vietinbank sẽ thực hiện các hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ này, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và pháp luật có liên quan trên nguyên tắc bảo đảm sự tuân thủ Điều lệ này, các quy chế quản lý nội bộ khác của Vietinbank, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và pháp luật có liên quan, kể cả các quy định của NHNN. Ngoài ra, nếu có bất kỳ hoạt động nào mà theo quy định của pháp luật cần phải được NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác chấp thuận trước khi thực hiện thì Vietinbank chỉ có thể thực hiện hoạt động đó sau khi đã xin được chấp thuận của NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác đó.

2. Phụ thuộc vào chấp thuận của NHNN và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan khác, Vietinbank sẽ tiến hành các hoạt động sau:

- (i) Huy động vốn;
- (ii) Cấp tín dụng;
- (iii) Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ; và
- (iv) Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Điều 5. Huy động vốn

Vietinbank sẽ huy động vốn theo các hình thức sau đây:

- (i) Nhận tiền gửi;
- (ii) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác;
- (iii) Vay của các tổ chức tín dụng trong nước và tổ chức tín dụng nước ngoài;
- (iv) Vay của NHNN; và

- (v) Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Cấp tín dụng

Vietinbank sẽ cấp tín dụng cho khách hàng theo các hình thức sau đây:

- (i) Cho vay;
- (ii) Chiết khấu và tái chiết khấu giấy tờ có giá;
- (iii) Bảo lãnh ngân hàng;
- (iv) Cho thuê tài chính bằng cách thành lập công ty cho thuê tài chính riêng; và
- (v) Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 7. Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ

Vietinbank sẽ thực hiện các dịch vụ thanh toán và ngân quỹ sau:

- (i) Cung ứng các phương tiện thanh toán;
- (ii) Thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước;
- (iii) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận (nếu cần thiết);
- (iv) Thực hiện dịch vụ thu hộ và chi hộ;
- (v) Thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng;
- (vi) Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước và tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận (nếu cần thiết); và
- (vii) Các dịch vụ thanh toán và ngân quỹ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 8. Các hoạt động kinh doanh khác

1. Vietinbank sẽ thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây:

- (i) Đầu tư dưới các hình thức sau:
 - (A) Góp vốn để cấu thành vốn điều lệ và mua cổ phần của các doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác (đã niêm yết hoặc chưa niêm yết);
 - (B) Góp vốn vào các quỹ đầu tư;
 - (C) Góp vốn thực hiện các dự án đầu tư;
 - (D) Đầu tư vào trái phiếu và các loại chứng khoán khác; và
 - (E) Các hoạt động đầu tư khác,

Vietinbank có thể uỷ thác vốn cho các pháp nhân, tổ chức, doanh nghiệp khác thực hiện việc đầu tư theo các hình thức nêu trên.

- (ii) Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của NHNN;
- (iii) Kinh doanh ngoại hối và vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi được NHNN cho phép;
- (iv) Thực hiện các nghiệp vụ mua bán giấy tờ có giá bằng ngoại tệ và đồng Việt Nam theo tập quán quốc tế và phù hợp với các quy định hiện hành

- của pháp luật;
- (v) Ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, quản lý hoạt động đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác và đại lý;
 - (vi) Tự mình cung ứng dịch vụ bảo hiểm hoặc thành lập công ty trực thuộc hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật;
 - (vii) Cung ứng các dịch vụ:
 - (A) tư vấn tài chính và tiền tệ trực tiếp cho khách hàng hoặc qua các công ty trực thuộc được thành lập theo quy định của pháp luật; và
 - (B) bảo quản hiện vật quý và các giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, nhận cầm cố và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
 - (viii) Thành lập công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc để tiếp nhận, quản lý, khai thác, bán các tài sản của khách hàng dùng để trả nợ ngân hàng và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật;
 - (ix) Thành lập các công ty trực thuộc để thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan tới hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật;
 - (x) Trực tiếp tham gia thị trường chứng khoán và thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán thông qua (các) công ty chứng khoán trực thuộc Vietinbank và phù hợp với pháp luật về chứng khoán; và
 - (xi) Các hoạt động khác khi pháp luật hoặc NHNN cho phép.
2. Trừ trường hợp pháp luật có quy định hoặc NHNN cho phép khác, Vietinbank không được trực tiếp kinh doanh bất động sản, ngoại trừ hoạt động kinh doanh dịch vụ bất động sản.

Điều 9. Tài khoản

1. Vietinbank mở tài khoản tiền gửi tại NHNN và mở tài khoản tại các ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
2. Các chi nhánh của Vietinbank mở tài khoản tại chi nhánh của NHNN tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi chi nhánh đặt trụ sở.
3. Vietinbank mở tài khoản cho khách hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan.

MỤC IV. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 10. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Vietinbank được hạch toán bằng Đồng (VNĐ).
2. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn điều lệ của Vietinbank là [#] ([#]). Vốn điều lệ được chia thành [#] cổ phần phổ thông với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 Đồng (10.000 VNĐ).
3. Vietinbank phải đảm bảo mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.

4. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích sau đây:
 - (i) Mua và đầu tư vào tài sản cố định của Vietinbank theo tỷ lệ do NHNN quy định;
 - (ii) Thực hiện hoạt động đầu tư quy định tại Điều 8.1(i);
 - (iii) Thành lập công ty trực thuộc;
 - (iv) Cho vay; và
 - (v) Thực hiện các mục đích kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Tăng và giảm Vốn điều lệ

1. Việc tăng hoặc giảm Vốn điều lệ của Vietinbank phải được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với pháp luật có liên quan và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.
2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.
3. Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để chấp thuận cho cổ đông góp vốn theo các yêu cầu quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam.

Điều 12. Các nguồn vốn hoạt động của Vietinbank

Vietinbank sử dụng các nguồn vốn sau để hoạt động:

- (i) Vốn điều lệ của Vietinbank;
- (ii) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá;
- (iii) Các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi;
- (iv) Vốn huy động theo các hình thức quy định tại Điều 5;
- (v) Lợi nhuận được để lại chưa phân bổ;
- (vi) Vốn tài trợ, vốn ủy thác đầu tư để cho vay theo các chương trình, dự án có mục tiêu riêng của Chính phủ giao; và
- (vii) Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

MỤC V. CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN KHÁC**Điều 13. Các loại cổ phần**

1. Cổ phần của Vietinbank gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi.
2. Cổ phần của Vietinbank tại thời điểm thông qua Điều lệ này chỉ gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ gắn liền với cổ phần phổ thông được quy định tại Điều [#].
3. Vietinbank có thể có cổ phần ưu đãi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và chấp thuận của NHNN phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Mỗi cổ phần của cùng một loại sẽ tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

5. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Chào bán cổ phần

1. Cổ phần của Vietinbank có thể được mua bằng Đồng, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác được quy định tại Điều lệ này và theo các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp cổ phần được mua bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Đồng, ngoại tệ tự do chuyển đổi và vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Vietinbank và phải được Hội đồng quản trị chấp thuận. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

3. Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá nhỏ hơn trong hai giá sau (a) giá thị trường tại thời điểm chào bán và (b) giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ các trường hợp sau đây:

- (i) Chào bán cổ phần cho tất cả cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ phần của họ ở Vietinbank;
- (ii) Chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất [bảy mươi lăm phần trăm (75%)] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Vietinbank;
- (iii) Chào bán cho cán bộ và người lao động chủ chốt của Vietinbank. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất [bảy mươi lăm phần trăm (75%)] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Vietinbank; và
- (iv) Các trường hợp khác nếu có sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất [tám mươi lăm phần trăm (85%)] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Vietinbank.

Vì mục đích của Điều 14.3 này, “giá thị trường” (i) đối với cổ phần Vietinbank khi chưa được niêm yết là giá do một tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định và nếu không có tổ chức này thì là giá trung bình của các giá giao dịch cổ phần Vietinbank do ba (3) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của Vietinbank và bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào của Vietinbank cung cấp và (ii) đối với cổ phần Vietinbank khi đã được niêm yết là giá đóng cửa hoặc giá trung bình của ngày giao dịch gần nhất trước ngày cần xác định “giá thị trường” mà được xem là giá tham chiếu cho ngày giao dịch tiếp theo theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán có liên quan.

4. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo

tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Vietinbank, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Trong trường hợp Vietinbank chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu, việc chào bán đó phải tuân theo các quy định sau đây:

- (i) Vietinbank phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông trước khi chào bán. Thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán, thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc) và các điều kiện chào bán khác để cổ đông có thể đăng ký mua;
- (ii) Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác tuy nhiên việc chuyển nhượng đó phải được đăng ký với Hội đồng quản trị theo thủ tục tương tự thủ tục quy định tại Điều 15.1; và
- (iii) Nếu cổ đông không gửi phiếu đăng ký mua cổ phần về Vietinbank trong thời hạn quy định trong thông báo chào bán cổ phần thì cổ đông có liên quan coi như đã từ chối mua số cổ phần theo quyền ưu tiên của mình. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác.

6. Việc chào bán cổ phần của Vietinbank ra công chúng sẽ theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật khác có liên quan.

7. Vietinbank có thể chào bán cổ phần ra nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan.

8. Vietinbank có thể mua lại cổ phần do chính Vietinbank đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Vietinbank mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 15. Chuyển nhượng và kế thừa cổ phần

1. Trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quy định khác, việc chuyển nhượng cổ phần trước khi Vietinbank được niêm yết trên bất kỳ Sở giao dịch chứng khoán nào được thực hiện như sau:

- (i) Bên chuyển nhượng hoặc bên nhận chuyển nhượng phải đăng ký việc chuyển nhượng bằng cách gửi cho Hội đồng quản trị văn bản chuyển nhượng theo mẫu do Hội đồng quản trị quy định hoặc chấp thuận và cổ phiếu do Vietinbank cấp là bằng chứng của việc sở hữu các cổ phần chuyển nhượng ngoại trừ cổ phiếu được cấp dưới hình thức bút toán ghi sổ. Văn bản chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện hợp pháp của họ ký kết hợp lệ;

- (ii) Bên nhận chuyển nhượng vẫn được coi là cổ đông sở hữu số cổ phần đăng ký chuyển nhượng cho đến khi việc chuyển nhượng đã được Hội đồng quản trị đăng ký và các thông tin quy định tại Điều đã được ghi đúng và ghi đủ trong Sổ đăng ký cổ đông;
- (iii) Hội đồng quản trị sẽ không trả lại các văn bản chuyển nhượng ngoại trừ các văn bản chuyển nhượng bị từ chối đăng ký;
- (iv) Hội đồng quản trị có quyền từ chối việc đăng ký chuyển nhượng nếu việc chuyển nhượng đó là trái với quy định tại Điều lệ này, pháp luật có liên quan hoặc trái với các hợp đồng, thỏa thuận giữa Vietinbank và bên chuyển nhượng và/hoặc bên nhận chuyển nhượng. Trong trường hợp từ chối chuyển nhượng, Hội đồng quản trị phải gửi cho người đăng ký chuyển nhượng thông báo từ chối đăng ký bằng văn bản và giải thích lý do từ chối; và
- (v) Sau khi hoàn tất việc đăng ký, Hội đồng quản trị sẽ cấp cổ phiếu mới cho bên chuyển nhượng (trong trường hợp bên chuyển nhượng chỉ chuyển nhượng một phần số cổ phần của mình) và bên nhận chuyển nhượng đối với số cổ phần sở hữu tương ứng sau chuyển nhượng theo cách thức quy định tại Điều 18.

2. Việc chuyển nhượng cổ phần sau khi Vietinbank đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ theo quy định của pháp luật, quy định của Sở giao dịch chứng khoán có liên quan và, trong trường hợp không có quy định của pháp luật cũng như của Sở giao dịch chứng khoán có liên quan, thì theo các quy định tại Điều 22.1 trong phạm vi có thể.

3. Trong trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc NHNN có quy định thêm về thủ tục, yêu cầu, hạn chế hoặc điều kiện đối với việc chuyển nhượng cổ phần của các ngân hàng thương mại cổ phần như Vietinbank thì việc chuyển nhượng cổ phần của Vietinbank cũng phải tuân theo các quy định đó.

4. Trong thời hạn năm (5) năm kể từ ngày Vietinbank được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông chiến lược của Vietinbank không được chuyển nhượng cổ phần của mình.

5. Trong trường hợp một cổ đông cá nhân bị chết hoặc một cổ đông pháp nhân chấm dứt tồn tại do sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi hình thức, giải thể hoặc phá sản thì việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông đó được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Bất kỳ cá nhân, tổ chức nào trở thành người kế thừa quyền sở hữu của cổ đông cá nhân chết hoặc cổ đông tổ chức chấm dứt tồn tại phải gửi cho Hội đồng quản trị thông báo về việc mình được kế thừa quyền sở hữu cổ phần cho Hội đồng quản trị và các tài liệu chứng minh nếu Hội đồng quản trị có yêu cầu. Hội đồng quản trị sẽ đăng ký hoặc từ chối đăng ký việc sở hữu của cổ đông đó và cấp cổ phiếu mới theo các thủ tục tương tự thủ tục quy định tại Điều 15.1.

6. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng, kể

thừa hoặc hưởng cổ tức.

Điều 16. Giới hạn sở hữu cổ phần

Trừ trường hợp pháp luật hoặc NHNN có quy định hoặc chấp thuận khác, việc sở hữu cổ phần của Vietinbank bị giới hạn như sau:

1. Một cổ đông là cá nhân được sở hữu tối đa mười phần trăm (10%) Vốn điều lệ của Vietinbank.
2. Một cổ đông là tổ chức không thuộc trường hợp quy định tại Điều 21.3 được sở hữu tối đa hai mươi phần trăm (20%) Vốn điều lệ của Vietinbank.
3. Cổ đông đại diện cho phần vốn Nhà nước trong Vietinbank được sở hữu tối đa tám mươi phần trăm (80%) Vốn điều lệ của Vietinbank.
4. Cổ đông và những người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa hai mươi phần trăm (20%) Vốn điều lệ của Vietinbank.
5. Cổ đông nước ngoài được sở hữu cổ phần của Vietinbank theo các giới hạn theo quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Điều 17. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Vietinbank theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (7) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Điều 17.4, 17.5 và 17.6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Vietinbank. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ do Vietinbank quy định vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước

thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 18. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu của Vietinbank là chứng chỉ do Vietinbank phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Vietinbank. Cổ phiếu của Vietinbank phải có các thông tin chủ yếu sau:

- (i) Tên và địa chỉ trụ sở chính của Vietinbank;
- (ii) Số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;
- (iii) Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- (iv) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- (v) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- (vi) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ đăng ký, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức (đối với cổ phiếu có ghi tên);
- (vii) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
- (viii) Chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật và dấu của Vietinbank;
- (ix) Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu; và
- (x) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

2. Mỗi cổ phiếu của Vietinbank chỉ ghi nhận việc sở hữu một loại cổ phần.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày thông qua Điều lệ này, Vietinbank sẽ cấp cổ phiếu cho cổ đông để ghi nhận việc sở hữu cổ phần của mỗi cổ đông.

Đối với các trường hợp chào bán cổ phần mới, chuyển nhượng, thừa kế hoặc các trường hợp khác dẫn đến sự thay đổi về việc sở hữu cổ phần, trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ phần chào bán mới hoặc kể từ ngày việc thay đổi sở hữu theo một trong các sự kiện nêu trên có hiệu lực, Vietinbank sẽ cấp cổ phiếu cho các cổ đông cũ (nếu áp dụng) và các cổ đông mới để ghi nhận việc sở hữu cổ phần của các cổ đông này là kết quả của việc chào bán hoặc thay đổi sở hữu cổ phần trừ trường hợp các điều kiện chào bán hoặc Hội đồng quản trị quy định một thời hạn khác.

4. Trong trường hợp cổ phiếu có ghi tên bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay và đề nghị Vietinbank cấp lại cổ phiếu khác và phải trả phí theo quy định của Vietinbank.

Cổ đông có liên quan phải cam đoan trong đề nghị cấp lại cổ phiếu rằng cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác. Nếu cổ phiếu bị mất thì cổ đông có liên quan phải cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết sức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Vietinbank để tiêu hủy. Cổ đông phải cam kết trong đề nghị rằng cổ đông đó sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

5. Vietinbank có thể có cổ phiếu không ghi tên ngoại trừ cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược, cổ đông nước ngoài và cổ phiếu của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật có liên quan. Người sở hữu cổ phiếu không ghi tên phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản cổ phiếu và Vietinbank sẽ không chịu trách nhiệm trong trường hợp cổ phiếu này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

6. Cổ phiếu của Vietinbank không được dùng để cầm cố tại chính Vietinbank.

7. Trong trường hợp có sai sót đối với nội dung và hình thức cổ phiếu do Vietinbank phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Vietinbank phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Vietinbank.

8. Vietinbank có thể cấp cổ phiếu có ghi tên dưới hình thức bút toán ghi sổ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần được ghi nhận trong các cổ phiếu thuộc loại này được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng phù hợp với pháp luật có liên quan.

Điều 19. Phát hành các loại chứng khoán khác

1. Vietinbank có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (tùy từng trường hợp) phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

2. Các chứng chỉ là bằng chứng xác nhận việc sở hữu các chứng khoán khác của Vietinbank (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Vietinbank, trừ trường hợp các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

MỤC VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 20. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát của Vietinbank gồm:

- (i) Đại hội đồng cổ đông;
- (ii) Hội đồng quản trị;
- (iii) Ban kiểm soát; và
- (iv) Tổng Giám đốc.

MỤC VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 21. Cổ đông

1. Cổ đông là những người sở hữu cổ phần của Vietinbank và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần của mình.

2. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc NHNN chấp thuận khác,

Vietinbank phải có ít nhất một trăm (100) cổ đông.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được gọi là cổ đông phổ thông. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi sẽ được gọi tên theo tên của cổ phần ưu đãi tương ứng.

4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông được quy định tại Điều 22 và Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với Điều lệ này và pháp luật Việt Nam có liên quan.

Điều 22. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- (i) Tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo nguyên tắc mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (nếu đủ số cổ phần tối thiểu phải có theo quy định tại Điều lệ này);
- (ii) Hưởng cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- (iii) Được ưu tiên mua cổ phần mới khi Vietinbank tăng vốn điều lệ theo tỷ lệ số cổ phần hiện có của mỗi cổ đông;
- (iv) Chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan;
- (v) Yêu cầu Vietinbank mua lại cổ phần theo quy định của Điều lệ và pháp luật có liên quan;
- (vi) Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- (vii) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- (viii) Ủy quyền từng lần bằng văn bản cho người khác trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ này; người được ủy quyền không được ủy quyền lại và không được ứng cử với tư cách của chính mình;
- (ix) Khi Vietinbank giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần các tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vào Vietinbank theo quy định của pháp luật về giải thể hoặc phá sản; và
- (x) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên [năm phần trăm (5%)] số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (6) tháng có thêm các quyền sau:

- (i) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- (ii) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- (iii) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; và
- (iv) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Vietinbank khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải

thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ đăng ký, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Vietinbank; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; và

- (v) Các quyền khác theo Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

- (i) Thanh toán đủ cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do Vietinbank quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần;
- (ii) Chấp hành Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ khác của Vietinbank;
- (iii) Chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- (iv) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Vietinbank trong phạm vi số vốn đã góp;
- (v) Không được rút vốn cổ phần dưới bất cứ hình thức nào trừ trường hợp được Vietinbank hoặc người khác mua lại cổ phần;
- (vi) Không được sử dụng cổ phần, cổ phiếu làm tài sản cầm cố tại Vietinbank;
- (vii) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- (viii) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Vietinbank dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - (A) Vi phạm pháp luật;
 - (B) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; và
 - (C) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Vietinbank.
- (ix) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 24. Sổ đăng ký cổ đông

1. Vietinbank phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:

- (i) Tên và địa chỉ trụ sở chính của Vietinbank;
- (ii) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- (iii) Diễn biến tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- (iv) Số và ngày cấp cổ phiếu cho cổ đông;
- (v) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ đăng ký, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; và
- (vi) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, tổng số cổ phần của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Vietinbank hoặc tại tổ chức được phép thực hiện dịch vụ lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Vietinbank hoặc tổ chức đó.

3. Việc lập, lưu giữ, kiểm tra, tra cứu, trích lục hoặc sao chép nội dung Sổ đăng ký cổ đông sau khi Vietinbank đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 25. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Vietinbank và tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết của Vietinbank đều có quyền tham dự. Đại hội đồng cổ đông có quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại Điều 28.

Điều 26. Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (1) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn [bốn (4)] tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại Việt Nam. Địa điểm họp cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật và Điều lệ này quy định, đặc biệt là thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo.

3. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên để tư vấn về việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

Điều 27. Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- (i) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Vietinbank, kể cả trong trường hợp Hội đồng quản trị nhận được thông báo của kiểm toán viên độc lập về việc cần phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc tình trạng tài chính của Vietinbank;

- (ii) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh Vốn điều lệ đã bị mất từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên hoặc tình hình tài chính của Vietinbank cho thấy Vietinbank bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của pháp luật về tổ chức tín dụng và quy định của NHNN;
- (iii) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát ít hơn hai phần ba (2/3) tổng số thành viên hoặc ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ này;
- (iv) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên [năm phần trăm (5%)] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng với điều kiện là yêu cầu triệu tập phải được lập bằng văn bản và nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp và phải được các cổ đông có liên quan ký hợp lệ;
- (v) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát khi Ban kiểm soát có lý do để tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người quản lý khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 44 và Điều 45 hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; và
- (vi) Các trường hợp bắt buộc khác theo quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được bất kỳ yêu cầu nào hoặc ngày xảy ra một trong các dự kiện quy định tại Điều 26.1 này.

3. Trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát sẽ thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 27.1(iv) này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

5. Tất cả các chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Vietinbank thanh toán. Để tránh nhầm lẫn, các chi phí đó sẽ không bao gồm chi phí mà cổ đông phải chịu để tham dự Đại hội cổ đông, như chi phí ăn ở và đi lại và các chi phí liên quan khác.

Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - (i) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - (ii) Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - (iii) Báo cáo của Hội đồng quản trị; và
 - (iv) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- (i) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- (ii) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với quy định của pháp luật và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- (iii) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- (iv) Lựa chọn công ty kiểm toán;
- (v) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- (vi) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- (vii) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Vietinbank;
- (viii) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- (ix) Việc niêm yết cổ phần của Vietinbank trên Sở giao dịch chứng khoán;
- (x) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Vietinbank;
- (xi) Tổ chức lại và giải thể Vietinbank và chỉ định người thanh lý;
- (xii) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Vietinbank và các cổ đông của Vietinbank;
- (xiii) Quyết định giao dịch bán tài sản Vietinbank hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng giá trị tài sản của Vietinbank và các chi nhánh của Vietinbank được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- (xiv) Quyết định việc Vietinbank mua lại trên mười phần trăm (10%) một loại cổ phần đã phát hành;
- (xv) Việc Tổng Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- (xvi) Việc đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Vietinbank;
- (xvii) Vietinbank ký kết hợp đồng quy định tại Điều 45.3(i);
- (xviii) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

3. Cổ đông không được tham gia biểu quyết để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông về :

- (i) Việc ký kết các hợp đồng liên quan đến Điều 28.2 mà cổ đông đó hoặc một người có liên quan của cổ đông đó là một bên của hợp đồng; và
- (ii) Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan của cổ đông đó.

4. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết thông qua các quyết định về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 29. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Vietinbank. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Trong trường hợp cổ phần được chuyển nhượng hoặc được kế thừa trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng hoặc người được kế thừa có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 30. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản theo mẫu do Hội đồng quản trị quy định và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- (i) Trong trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
- (ii) Trong trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp; và
- (iii) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện,

việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Vietinbank).

4. Trừ trường hợp quy định tại Điều 30.3 trên đây, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- (i) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- (ii) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền; hoặc
- (iii) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Quy định này sẽ không áp dụng trong trường hợp Vietinbank nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu trên ít nhất bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 31. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 28.1 liên quan đến vốn cổ phần của Vietinbank được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (2) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 33.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Vietinbank sẽ không bị thay đổi khi Vietinbank phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 32. Triệu tập Đại hội cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau

đây:

- (i) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Vietinbank;
- (ii) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; và
- (iii) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

2. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin cần thiết theo quy định của pháp luật về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán, trên website của Vietinbank, một (1) tờ báo trung ương hoặc một (1) tờ báo địa phương nơi Vietinbank đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Vietinbank bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Vietinbank, thông báo có thể được đặt trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Vietinbank có trang thông tin điện tử (website), thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Vietinbank đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 22.2 có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi cho Vietinbank chậm nhất ba (3) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điều 32.3 trong các trường hợp sau đây:

- (i) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- (ii) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất [năm phần trăm (5%)] cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
- (iii) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; và

- (iv) Những vấn đề được kiến nghị không phù hợp với quy định tại Điều lệ Vietinbank và không phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 5. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
- 6. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện một trăm phần trăm (100%) số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 33. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 2. Trong trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội đồng cổ đông, Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) cổ phần có quyền biểu quyết.
- 3. Trong trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
- Trường hợp triệu tập họp lần thứ ba không diễn ra trong thời gian quy định tại Điều 33.3 này thì việc triệu tập phiên họp Đại hội đồng cổ đông được bắt đầu lại với thứ tự các vòng triệu tập theo quy định tại Điều này.
- 4. Theo đề nghị, Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 32.2 của Điều lệ này.

Điều 34. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

- 1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Vietinbank phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Vietinbank sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng

ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (i) các cổ đông tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (ii) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (iii) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản Điều 34.6, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ

quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội đồng cổ đông.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- (i) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính hợp Đại hội đồng cổ đông;
- (ii) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó; hoặc
- (iii) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- (i) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- (ii) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo quy định trên đây hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
- (iii) Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo quy định trên đây.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Vietinbank phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 35. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Điều 35.2, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

- (i) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - (ii) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Vietinbank; và
 - (iii) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.
2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và

bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Vietinbank, giao dịch bán tài sản Vietinbank hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ [hai mươi phần trăm (20%)] trở lên tổng giá trị tài sản của Vietinbank và các chi nhánh của Vietinbank tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- (ii) Mục đích lấy ý kiến;
- (iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- (iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- (v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- (vi) Thời hạn phải gửi về Vietinbank phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và
- (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Vietinbank phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng

kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Vietinbank. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- (ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- (iii) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- (iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- (v) Các quyết định đã được thông qua; và
- (vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người chủ tọa họp Đại hội cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày bế mạc Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản này phải được lập bằng tiếng Việt, được chủ tọa của Đại hội và thư ký ký tên chủ yếu gồm các nội dung sau đây:

- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- (ii) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- (iii) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- (iv) Chủ tọa và thư ký;
- (v) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

- (vi) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- (vii) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- (viii) Các quyết định đã được thông qua;
- (ix) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Vietinbank.

Điều 38. Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- (i) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo Điều lệ này, quy định của NHNN và pháp luật có liên quan khác; và
- (ii) Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

MỤC VIII. ĐIỀU KHOẢN CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 39. Nhiệm vụ chung

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Vietinbank, có toàn quyền nhân danh Vietinbank để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Vietinbank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Vietinbank; kiểm tra mọi hoạt động của Vietinbank, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, sự an toàn trong hoạt động của Vietinbank, thực hiện kiểm soát nội bộ hoạt động từng thời kỳ, từng lĩnh vực nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của Vietinbank.

3. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước

pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Vietinbank.

4. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của Vietinbank được bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm phải được Thống đốc NHNN chuẩn y.

Điều 40. Những người không được tham gia quản trị, kiểm soát và không được giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc:

- (i) Chưa thành niên; bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- (ii) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- (iii) Đã bị kết án về các tội nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia, các tội nghiêm trọng xâm phạm sở hữu, các tội nghiêm trọng về kinh tế;
- (iv) Đã bị kết án về các tội phạm khác mà chưa được xóa án;
- (v) Đã từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc của một công ty đã bị phá sản, trừ trường hợp ngoại lệ theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp;
- (vi) Đã từng là đại diện theo pháp luật của một công ty bị đình chỉ hoạt động do vi phạm pháp luật nghiêm trọng;
- (vii) Thuộc đối tượng bị cấm tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về chống tham nhũng;
- (viii) Đang vay vốn hoặc đang là người bảo lãnh, tái bảo lãnh khoản tín dụng của chính Vietinbank;
- (ix) Có bố, mẹ, vợ, chồng, con đang vay vốn hoặc đang là người bảo lãnh, tái bảo lãnh khoản tín dụng của chính Vietinbank;
- (x) Là cổ đông sở hữu trên [năm phần trăm (5%)] vốn điều lệ hoặc có bố, mẹ, vợ, chồng, con là cổ đông sở hữu trên [năm phần trăm (5%)] vốn điều lệ của doanh nghiệp đang được Vietinbank cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với những điều kiện ưu đãi; hoặc
- (xi) Không đảm bảo tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn theo quy định của NHNN.

2. Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, không được là thành viên Ban kiểm soát, Kế Toán trưởng của Vietinbank.

Điều 41. Đương nhiên mất tư cách

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc:

- (i) Mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, chết, mất tích;

- (ii) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức chấm dứt;
- (iii) Thuộc một trong các đối tượng quy định từ Điều 40.1(ii) đến 40.1(viii);
- (iv) Mất tư cách đại diện cổ phần của cổ đông pháp nhân;
- (v) Khi bị Tòa án trực xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;
- (vi) Vietinbank bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; và
- (vii) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.

2. Chức danh đã được Thống đốc NHNN chuẩn y của những người quy định tại Điều 40.1 đương nhiên hết hiệu lực.

3. Ngay sau khi xác định được các đối tượng bị đương nhiên mất tư cách theo quy định từ Điều 41.1(i) đến 41.1(v), Hội đồng quản trị phải có ngay văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi lên NHNN và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật, đồng thời xử lý theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 42. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Vietinbank bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

- (i) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
- (ii) Có đơn xin từ chức với lý do hợp lý;
- (iii) Thuộc đối tượng vi phạm quy định từ Điều 40.1(viii) đến 40.1(xi) và Điều 40.2;
- (iv) Không đảm bảo số cổ phần sở hữu tối thiểu do Điều lệ này quy định (áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát);
- (v) Vi phạm quy định của pháp luật, quy định của NHNN và Điều lệ này về mua, bán và chuyển nhượng cổ phần;
- (vi) Vi phạm quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- (vii) Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên HĐQT độc lập;
- (viii) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với thành viên của Hội đồng quản trị) trong vòng sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; và
- (ix) Các trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Vietinbank sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 43. Tạm đình chỉ quyền quản trị, kiểm soát, điều hành

1. Trường hợp Vietinbank bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt tại Vietinbank có quyền tạm đình chỉ quyền quản trị, kiểm soát, điều hành

của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc nếu xét thấy cần thiết.

2. Trong thời gian bị tạm đình chỉ quyền quản trị, kiểm soát, điều hành hoặc sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh do vi phạm Điều 42 Điều lệ này và chờ làm thủ tục trình Thống đốc NHNN chuẩn y, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát được tham dự họp nhưng không được quyền biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát.

MỤC IX. CÁC NGHĨA VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 44. Nghĩa vụ thận trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành có nghĩa vụ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo cách thức mà những người này xét là có lợi cho VietinBank phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này với mức độ thận trọng mà một người cẩn thận thông thường cũng sẽ thực hiện tương tự khi ở vào điều kiện và hoàn cảnh tương tự.

Điều 45. Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành được ủy thác trách nhiệm thì không được sử dụng cho bản thân những cơ hội kinh doanh mà VietinBank có thể sử dụng để tạo lợi thế riêng cho VietinBank và không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ đang nắm giữ để thu lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức kinh tế hoặc cá nhân nào khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành có nghĩa vụ khai báo cho Hội đồng quản trị bất kỳ quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có thể có ở các tổ chức kinh tế khác, các giao dịch hoặc cá nhân khác, và chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị (gồm các thành viên Hội đồng quản trị không có quyền lợi liên quan) đã xem xét và chấp thuận.

3. Các hợp đồng dân sự, hợp đồng trong kinh doanh, thương mại (không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế tại các Điều 77, 78, 79 và 80 của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn thi hành) của VietinBank với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn và với người có liên quan của họ, chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:

- (i) Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) vốn tự có của VietinBank (theo quy định của NHNN) thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết; và
- (ii) Đối với hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn hai mươi phần trăm (20%)

vốn tự có của VietinBank (theo quy định của NHNN) thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị là bên ký hợp đồng hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.

4. Trong trường hợp hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều 45.3 thì hợp đồng đó không phát sinh hiệu lực đối với VietinBank và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho VietinBank phải có trách nhiệm bồi thường.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành không được mua hoặc bán hoặc giao dịch cổ phiếu của VietinBank hay của các công ty trực thuộc khi họ có thông tin nhờ vị trí của mình có thể ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các cổ đông khác không có thông tin đó.

6. Thành viên HĐQT không được bố trí, thu xếp dưới mọi hình thức trá hình để vay vốn từ VietinBank cho cá nhân thành viên đó, cho người thân hoặc những tổ chức có liên quan đến thành viên HĐQT.

Điều 46. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại:

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành phải có nghĩa vụ chấp hành đúng các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ này và các quy chế nội bộ của VietinBank trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra.

2. Bồi thường:

VietinBank sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do VietinBank thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của VietinBank) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được VietinBank (hay công ty con của VietinBank) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Vietinbank (hay công ty con của VietinBank) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của VietinBank, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. VietinBank có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC X. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 47. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị gồm tối thiểu là bảy (7) thành viên và tối đa là mười một (11) thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động trong từng thời kỳ.

2. Trong trường hợp pháp luật quy định hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông VietinBank phải có các thành viên HĐQT độc lập, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu bổ sung các thành viên HĐQT độc lập này đảm bảo số lượng, tiêu chuẩn, yêu cầu theo quy định của pháp luật và Điều lệ này và vẫn đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng quản trị không vượt quá mười một (11) thành viên.

3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và của mỗi thành viên Hội đồng quản trị là năm (5) năm. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. [Một thành viên Hội đồng Quản trị phải sở hữu, đại diện sở hữu (đối với cổ đông pháp nhân), hoặc đại diện của nhóm cổ đông sở hữu tối thiểu 5% cổ phần của VietinBank.]

5. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu [năm phần trăm (5)%] số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng được đề cử một (1) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử hai (2) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi (50%) được đề cử ba (3) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử bốn (4) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

6. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Vietinbank quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

7. Việc bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của NHNN. Kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị của VietinBank phải được NHNN chuẩn y.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

9. Chủ tịch Hội đồng quản trị của Vietinbank không được phép tham gia hội đồng quản trị hoặc tham gia điều hành tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty trực thuộc của VietinBank hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

10. Chủ tịch Hội đồng quản trị không thể đồng thời là Tổng Giám đốc hay Phó Tổng Giám đốc của VietinBank.

11. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

12. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) hoặc đại diện của cổ đông nước ngoài tham gia Hội đồng quản trị phải thỏa mãn thêm các điều kiện sau:

- (i) Tỷ lệ số người tham gia thành viên Hội đồng quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại VietinBank;
- (ii) Không làm thành viên Hội đồng quản trị quá hai tổ chức tín dụng tại Việt Nam; và
- (iii) Không được giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị của VietinBank.

Điều 48. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- (i) Quản trị VietinBank theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- (ii) Nói chung, quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của VietinBank trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- (iii) Trình Thống đốc NHNN phê chuẩn các vấn đề mà theo quy định của pháp luật phải được Thống đốc NHNN phê chuẩn;
- (iv) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- (v) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- (vi) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành tại trụ sở chính, sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty trực thuộc của VietinBank;
- (vii) Chuẩn bị các nội dung và tài liệu có liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông trừ những nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát;
- (viii) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- (ix) Phê duyệt chính sách kiểm tra, kiểm soát nội bộ;

- (x) Quy định về lãi suất, tỷ giá, tỷ lệ hoa hồng, phí, mức tiền thưởng, tiền phạt đối với khách hàng theo quy định của pháp luật;
- (xi) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và quyết định mức lương, thưởng và các lợi ích khác cho Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng VietinBank; Thư ký Hội đồng Quản trị, các chức danh thuộc bộ phận kiểm soát nội bộ; Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc Công ty trực thuộc, Giám đốc đơn vị sự nghiệp; và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
- (xii) Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của VietinBank; giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác và xem xét sai phạm của những người này gây thiệt hại cho VietinBank và thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục;
- (xiii) Ban hành các văn bản:
 - (A) Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - (B) Điều lệ về tổ chức và hoạt động của công ty trực thuộc, quy chế về tổ chức và hoạt động của Sở giao dịch, Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;
 - (C) Quy định về tổ chức và hoạt động kiểm tra và kiểm soát nội bộ theo quy định của pháp luật;
 - (D) Quy chế, quy định về phân cấp, ủy quyền, giới hạn để Tổng Giám đốc điều hành trong các hoạt động huy động vốn, tín dụng, bảo lãnh, các vấn đề liên quan đến nghĩa vụ kinh tế của VietinBank; và
 - (E) Các quy định nghiệp vụ quản lý nội bộ khác, kể cả quản lý phần vốn góp của VietinBank vào các tổ chức khác, các văn bản hướng dẫn cụ thể thực hiện các quy định của NHNN về hoạt động ngân hàng
- (xiv) Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể VietinBank;
- (xv) Giải quyết các khiếu nại của VietinBank đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của VietinBank để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- (xvi) Trích lập và sử dụng các quỹ, chia lợi tức cổ phần theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- (xvii) Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- (xviii) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phần theo mức giá định trước;
- (xix) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- (xx) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;

- (xxi) Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - (i) Thành lập Sở giao dịch, chi nhánh, các văn phòng đại diện hoặc đơn vị sự nghiệp của VietinBank;
 - (ii) Thành lập các công ty trực thuộc của VietinBank;
 - (iii) Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của VietinBank trừ các hợp đồng quy định tại Điều 45.3(i). Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của VietinBank (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mua công ty và liên doanh) mà không phải là các hợp đồng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông;
 - (iv) Chỉ định và bãi nhiệm những người được VietinBank uỷ nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của VietinBank;
 - (v) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của VietinBank;
 - (vi) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá [X] Đồng hoặc các khoản đầu tư vượt quá mười phần trăm (10%) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - (vii) Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - (viii) Việc định giá các tài sản góp vào VietinBank không phải bằng tiền Đồng, ngoại tệ tự do chuyển đổi liên quan đến việc phát hành cổ phần hoặc trái phiếu của VietinBank, kể cả vàng, giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - (ix) Việc VietinBank mua hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) mỗi loại cổ phần đã phát hành;
 - (x) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình; và
 - (xi) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của VietinBank.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những người quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của VietinBank sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

4. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và những người quản lý khác.

5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt

cho VietinBank.

Điều 49. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của VietinBank, có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

- (i) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- (ii) Thay mặt Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
- (iii) Triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị;
- (iv) Chuẩn bị nội dung, chương trình và điều khiển các phiên họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;
- (v) Tổ chức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới các hình thức không tổ chức họp trực tiếp;
- (vi) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định, nghị quyết đó; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị;
- (vii) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;
- (viii) Phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện quản trị hoạt động của VietinBank. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- (ix) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung;
- (x) Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ban (nếu có) của Hội đồng quản trị; báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;
- (xi) Ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc một trong số thành viên Hội đồng quản trị đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt; và
- (xii) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ hành động với tư cách Chủ tịch nếu được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó

Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì bất kỳ lý do nào đó thì Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - (i) Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị VietinBank theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - (ii) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - (iii) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của VietinBank trong từng thời kỳ;
 - (iv) Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, trừ trường hợp bị loại trừ không được bỏ phiếu vì vấn đề xung đột lợi ích; chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những ý kiến của mình;
 - (v) Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị;
 - (vi) Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu;
 - (vii) Hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc họp Hội đồng quản trị phiên bất thường;
 - (viii) Chấp hành quy định của Điều lệ này về số cổ phần bắt buộc phải có đối với thành viên Hội đồng quản trị;
 - (ix) Chấp hành các quy định của NHNN và Điều lệ này về việc chuyển nhượng cổ phần. Các thành viên Hội đồng quản trị sẽ thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị và những thành viên này không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình;
 - (x) Chịu trách nhiệm cá nhân trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về các hoạt động của mình; và
 - (xi) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 50. Lương, thưởng và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên Hội đồng quản trị điều hành được hưởng lương, thưởng; các thành viên HĐQT độc lập không điều hành được hưởng thù lao và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
2. Mức lương, thưởng, thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa theo

kết quả, hiệu quả kinh doanh của VietinBank.

3. Tổng số lương, thưởng, thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và số phí công vụ mà mỗi thành viên Hội đồng quản trị đã nhận sẽ được nêu chi tiết trong Báo cáo hàng năm của VietinBank.

4. Các thành viên của Hội đồng quản trị phải có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác do họ đã chi trong quá trình hoặc liên quan tới việc thực hiện trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị bao gồm cả bất kỳ khoản chi phí nào phát sinh trong việc tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các uỷ ban của Hội đồng quản trị hoặc của các cổ đông.

Điều 51. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị

1. Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành làm Chủ tịch Hội đồng quản trị và một thành viên Hội đồng quản trị làm Phó Chủ tịch.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức Chủ tịch, Phó chủ tịch của mình phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị .

Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành.

3. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Hội đồng quản trị hoặc không đủ số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Điều lệ này, thì trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung nhưng thành viên còn thiếu.

6. Sau Đại hội đồng cổ đông đầu tiên, những người được bầu giữ chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc triển khai và hoàn tất những công việc thành lập VietinBank để trình Thống đốc NHNN xem xét, cấp Giấy phép thành lập và hoạt động và chuẩn y các chức danh quản trị, kiểm soát, điều hành và Điều lệ và xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định hiện hành.

7. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu xử lý,

đồng thời phải chịu trách nhiệm, bãi nhiệm đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 52. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp Hội đồng quản trị đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tổ chức trong vòng ba mươi (30) ngày sau ngày VietinBank được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động và có quyết định chuẩn y thành viên Hội đồng quản trị của NHNN. Thành viên Hội đồng quản trị có số phiếu bầu cao nhất sẽ phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị đầu tiên, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm họp trước ngày họp dự kiến ít nhất bảy (7) ngày. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.

3. Cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị được tiến hành theo đề nghị của:

- (i) Có đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát;
- (ii) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên HĐQT độc lập hoặc của ít nhất một phần hai ($\frac{1}{2}$) tổng số thành viên Hội đồng quản trị;
- (iii) Có đề nghị của ít nhất một phần hai ($\frac{1}{2}$) tổng số thành viên Ban kiểm soát; và
- (iv) Các trường hợp khác do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Đề nghị triệu tập cuộc họp bất thường phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Người có thẩm quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Hội đồng quản trị bất thường của một trong các đối tượng nêu tại Điều 49.3, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch hoặc người được uỷ quyền phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Vietinbank, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi VietinBank đặt trụ sở chính và tiến hành họp Hội đồng quản trị để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch, bầu một thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Chủ tịch, trình NHNN chuẩn y theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn

tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có). Nếu Hội đồng quản trị không đủ ba phần tư số thành viên để tổ chức họp và thông qua quyết định, thì Ban kiểm soát có trách nhiệm triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo đúng quy định hiện hành để xử lý những tồn tại, vướng mắc của VietinBank.

5. Địa điểm họp:

Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Vietinbank hoặc những địa điểm khác được Hội đồng quản trị quy định.

6. Thông báo và chương trình họp:

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành sau 5 ngày kể từ gửi thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo cuộc họp Hội đồng quản trị được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian; địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp. Những thành viên Hội đồng quản trị này sẽ gửi phiếu bầu cho Hội đồng quản trị trước khi họp.

7. Số thành viên tham dự yêu cầu:

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền.

Trường hợp triệu tập họp Hội đồng quản trị định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập tiếp cuộc họp Hội đồng quản trị lần hai trong thời gian không quá mười lăm (15) ngày tiếp theo.

Sau hai lần triệu tập họp Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Hội đồng quản trị.

8. Biểu quyết:

- (i) Mỗi thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Nếu thành viên Hội đồng quản trị không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.
- (ii) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng quản trị quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- (iii) Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và những nghi ngờ đó không được thành viên Hội đồng quản trị đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp

thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp.

Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi, của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan đó chưa được biết rõ.

- (iv) Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Điều 45.3, Điều 77, 78, 79 và 80 của Luật các tổ chức tín dụng sẽ được coi là có lợi ích đáng kể đối với hợp đồng đó.

9. Công khai lợi ích:

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với VietinBank và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

10. Biểu quyết đa số:

- (i) Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).

Thành viên Hội đồng quản trị có ý kiến khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình và được báo cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; trong thời gian chưa có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn phải chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. ý kiến bảo lưu được lập thành văn bản có chữ ký của người bảo lưu và được lưu trữ kèm trong nghị quyết, quyết định có liên quan của phiên họp.

- (ii) Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác:

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- (i) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- (ii) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

12. Trường hợp Hội đồng quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

- (i) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
- (ii) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

13. Biên bản họp Hội đồng quản trị:

- (i) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản hoặc ghi âm. Trong trường hợp ghi biên bản thì biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (A) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng phép thành lập và hoạt động của VietinBank;
 - (B) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - (C) Thời gian, hình thức và/hoặc địa điểm họp;
 - (D) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; thành viên biểu quyết bằng văn bản;
 - (E) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (F) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - (G) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành,

- không tán thành và không có ý kiến;
- (H) Các quyết định đã được thông qua;
 - (I) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp. Trường hợp thành viên không chịu ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do không ký biên bản; nếu không ghi rõ lý do thì thành viên đó được coi như không dự họp và phiếu biểu quyết của thành viên đó không có giá trị.

Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

- (ii) Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và những biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi Biên bản.
- (iii) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của VietinBank.
- (iv) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì biên bản được lập bằng tiếng Việt được coi là bản gốc.

14. Những người được mời dự họp Hội đồng quản trị:

Các thành viên của Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các thành viên Ban điều hành và các chuyên gia thuộc bên thứ ba khác có thể tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Đối với những vấn đề có liên quan đến các chức năng quản lý nhà nước của một số bộ, ngành hay các tỉnh, thành phố, Hội đồng quản trị sẽ mời các đại diện có thẩm quyền tới tham dự cuộc họp. Nếu các cuộc họp được tổ chức để xem xét các vấn đề ảnh hưởng đến quyền lợi của các nhân viên VietinBank, các đại diện Công đoàn phải được mời đến tham dự cuộc họp. Bất kỳ người được mời dự bổ sung có tham gia cuộc họp Hội đồng quản trị đều có thể tham gia vào thảo luận các vấn đề tại cuộc họp nhưng không có quyền biểu quyết.

15. Các ủy ban của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có thể thành lập các ủy ban trực thuộc, bao gồm và không giới hạn ở Ủy ban kiểm toán, Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự. Thành viên của ủy ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các ủy ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các ủy ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của ủy ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của ủy ban và (b) nghị quyết của các ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại

phiên họp của ủy ban là thành viên Hội đồng quản trị.

Nhiệm vụ, quyền hạn của (các) ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của NHNN.

16. Giá trị pháp lý của hành động:

Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên ủy ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của ủy ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 53. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị được sử dụng bộ máy giúp việc và con dấu của Vietinbank để thực hiện nhiệm vụ của mình.

2. Hội đồng quản trị sẽ có các bộ phận hoặc nhân viên giúp việc chuyên trách và sẽ quy định cụ thể con số và các nhiệm vụ của mỗi bộ phận hoặc nhân viên giúp việc.

Điều 54. Thư ký

1. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thư ký chuyên trách và quy định chức năng, nhiệm vụ của thư ký. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thư ký vào bất cứ thời điểm nào, tuy nhiên không được làm phương hại đến các yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng lao động giữa thư ký và VietinBank. Hai hoặc nhiều người có thể được bổ nhiệm là đồng thư ký;

2. Chức năng, nhiệm vụ của thư ký bao gồm:

- (i) Sắp đặt việc triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị hay của Trưởng Ban kiểm soát;
- (ii) Ghi biên bản cuộc họp;
- (iii) Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;
- (iv) Cung cấp thông tin cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và cổ đông;
- (v) Các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.

Thư ký có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

MỤC XI. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 55. Tổng Giám đốc

1. Điều hành hoạt động VietinBank là Tổng Giám đốc, giúp việc Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

3. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước

pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày VietinBank.

4. Trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quy định khác, nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là [#] năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng Giám đốc được thực hiện theo Luật các tổ chức tín dụng, quy định của NHNN.

5. Tổng Giám đốc không đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Vietinbank và không được kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị, kiểm soát, điều hành nào tại tổ chức tín dụng khác hoặc công ty khác, trừ trường hợp là công ty trực thuộc của VietinBank hoặc trường hợp khác nếu pháp luật cho phép và chỉ được giữ chức danh quản trị, kiểm soát tại công ty trực thuộc đó.

6. (Các) Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của VietinBank theo sự phân công của Tổng Giám đốc.

7. Kế Toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của VietinBank, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng có thể kiêm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc.

Điều 56. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị chỉ được ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, sau khi đã được Thống đốc NHNN có văn bản chấp thuận. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của NHNN.

2. Tổng Giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng quản trị, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng Giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng Giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

3. Trường hợp Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc thì Hội đồng quản trị phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc hoặc một Trưởng phòng nghiệp vụ (trường hợp không có Phó Tổng Giám đốc) đảm bảo các điều kiện theo quy định của NHNN và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 40 Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và có ngay báo cáo bằng văn bản lên Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi VietinBank đặt trụ sở chính.

4. Trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc hoặc Hội đồng quản trị nhận được đơn xin từ chức của Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị phải tìm người thay thế và tiến hành các thủ tục xin bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới trình Thống đốc NHNN chuẩn y.

5. Trường hợp Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng Giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc hoặc một Trưởng phòng nghiệp vụ (trường hợp không có Phó Tổng Giám đốc) đảm bảo các điều kiện theo quy định của NHNN, không thuộc đối tượng quy định tại Điều 36 Điều lệ này đảm

nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và có ngay văn bản báo cáo đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng Giám đốc, gửi Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi VietinBank đặt trụ sở chính giải quyết theo quy định hiện hành.

6. Trong thời gian Tổng Giám đốc chưa được NHNN chuẩn y, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật trước cổ đông về mọi hoạt động của VietinBank.

Điều 57. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Trình Hội đồng quản trị:
 - (i) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;
 - (ii) Thành lập công ty trực thuộc;
 - (iii) Mở Sở giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp;
 - (iv) Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và điều hành tại trụ sở chính, cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;
 - (v) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; Giám đốc sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo quy định của Điều lệ này;
 - (vi) Quy chế hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, Công ty trực thuộc;
 - (vii) Quyết định về lãi suất, tỷ lệ hoa hồng phí, mức tiền phạt đối với khách hàng theo quy định của pháp luật;
 - (viii) Phát hành cổ phần mới;
 - (ix) Phương án hoạt động kinh doanh;
 - (x) Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và của tổ chức tín dụng khác;
 - (xi) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, giải thể VietinBank và sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, Công ty trực thuộc, đơn vị sự nghiệp;
 - (xii) Tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán các hoạt động của VietinBank; và
 - (xiii) Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các quy định của Nhà nước liên quan tới VietinBank thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền được quy định trong quy chế do Hội đồng quản trị ban hành. Tuyển dụng, kỷ luật và cho thôi việc các nhân viên của Vietinbank; quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động kể cả cán bộ quản lý theo đúng pháp luật và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.
3. Tổ chức thực hiện phương án hoạt động kinh doanh khi được Hội đồng quản trị phê duyệt.
4. Điều hành và quyết định các vấn đề có liên quan đến các hoạt động kinh doanh của VietinBank theo đúng pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng

quản trị; chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của VietinBank.

5. Đại diện cho VietinBank trong quan hệ quốc tế, tố tụng, tranh chấp, giải thể, phá sản.

6. Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị, NHNN và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền để giải quyết tiếp.

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, NHNN và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình.

8. Báo cáo Hội đồng quản trị, NHNN và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kết quả hoạt động kinh doanh của VietinBank.

9. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và (các) nghị quyết của Hội đồng quản trị.

MỤC XII. BAN KIỂM SOÁT

Điều 58. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát với số cổ đông đại diện ít nhất [sáu mươi lăm phần trăm (65%)] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận. Ban kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có số thành viên tối thiểu là ba (3) người và ít nhất có một nửa số thành viên là chuyên trách. Trưởng Ban kiểm soát phải là cổ đông của VietinBank.

3. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát có cùng nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại.

Điều 59. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Sau Đại hội đồng cổ đông đầu tiên, những người được bầu làm Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc triển khai kiểm soát công việc thành lập VietinBank

2. Những người được bầu giữ chức Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

3. Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- (i) Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành VietinBank; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;

- (ii) Trực tiếp chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động của bộ phận kiểm soát nội bộ; thực hiện kiểm soát nội bộ VietinBank từng thời kỳ, từng lĩnh vực, nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính VietinBank; chuẩn bị báo cáo kiểm soát nội bộ hàng năm; chịu trách nhiệm về việc bảo đảm chất lượng hoạt động của bộ phận kiểm soát nội bộ và tính chính xác của báo cáo kiểm soát nội bộ;
- (iii) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; trong tổ chức công tác hạch toán, kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- (iv) Kiểm tra, rà soát, đánh giá tính hợp lý, hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật về tổ chức bộ máy và vận hành hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; định kỳ thông báo Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ.
- (v) Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của VietinBank, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; báo cáo kết quả lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- (vi) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của VietinBank, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của VietinBank bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên năm phần trăm (5%) vốn điều lệ của VietinBank;
- (vii) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý VietinBank quy định tại Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm quyền và nhiệm vụ được giao; Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Luật Doanh nghiệp hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này;
- (viii) Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- (ix) Rà soát các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo của VietinBank;
- (x) Xem xét tất cả các giao dịch của VietinBank nếu thấy cần thiết;
- (xi) Giám sát quá trình thuê kiểm toán độc lập; giám sát quá trình thực hiện công việc của kiểm toán độc lập; đánh giá hiệu quả công việc của kiểm

- toán độc lập; xem xét báo cáo tài chính định kỳ của VietinBank do tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện;
- (xii) Kiểm tra, đánh giá độc lập đối với toàn bộ hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ thuộc bộ máy điều hành; xem xét tổ chức hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ;
 - (xiii) Đề xuất và kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của VietinBank;
 - (xiv) Có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của VietinBank lưu giữ tại trụ sở chính, sở giao dịch, chi nhánh, công ty trực thuộc và các địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của VietinBank làm việc;
 - (xv) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý, điều hành khác của VietinBank cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của VietinBank;
 - (xvi) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 60. Nhiệm vụ, quyền hạn các thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:
 - (i) Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban kiểm soát liên quan đến các vấn đề quy định tại Điều 56 Điều lệ này;
 - (ii) Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của Ban kiểm soát;
 - (iii) Thay mặt Ban kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ trì cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị khi Hội đồng quản trị có hành vi vi phạm pháp luật hay Điều lệ này;
 - (iv) Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát;
 - (v) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Ban kiểm soát;
 - (vi) Đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác, và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét;
 - (vii) Đảm bảo có đủ thời gian trước và trong cuộc họp của Ban kiểm soát để thảo luận và cân nhắc các vấn đề phức tạp hoặc gây tranh cãi;
 - (viii) Giám sát các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn chung;
 - (ix) Chấp hành việc sở hữu số cổ phần tối thiểu và các quy định khác của

- pháp luật, của NHNN, nếu có;
- (x) Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt; và
 - (xi) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.
2. Thành viên Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:
- (i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát;
 - (ii) Cùng với các thành viên khác của Ban Kiểm soát hành động phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này;
 - (iii) Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát bất thường;
 - (iv) Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có;
 - (v) Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của VietinBank cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh;
 - (vi) Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về những sự kiện tài chính bất thường, chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình trước Đại hội đồng cổ đông;
 - (vii) Ít nhất một tháng một lần có văn bản báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng Ban kiểm soát;
 - (viii) Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với những quyết nghị của Hội đồng quản trị được quyền đề nghị ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;
 - (ix) Hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên có quyền đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có sai phạm nghiêm trọng theo quy định tại Điều [27.1(v) và Điều 49.3(iii) Điều lệ này;
 - (x) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan hoạt động ngân hàng. Trường hợp che dấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý đối với những sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới khi thực hiện nhiệm vụ;
 - (xi) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này.
3. Thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát không phải là cổ đông được hưởng lương theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, các thành viên Ban kiểm soát khác được hưởng thù lao công vụ. Mức lương hoặc thù lao công vụ của thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Các thành viên Ban kiểm soát được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tổng số phí công vụ (lương hoặc thù lao và các chi phí trong quá trình thực

hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên Ban kiểm soát và số phí công vụ mà mỗi thành viên Ban kiểm soát đã nhận, được nêu chi tiết trong Báo cáo hàng năm của VietinBank.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên của Ban điều hành phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của VietinBank theo yêu cầu của Ban kiểm soát và thư ký phải bảo đảm rằng tất cả bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

Điều 61. Thay thế thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên của Ban kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của NHNN.

2. Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban kiểm soát. Trường hợp không có thành viên Ban kiểm soát là cổ đông, các thành viên Ban kiểm soát còn lại cử một thành viên đảm bảo tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn theo quy định của NHNN tạm thời đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban kiểm soát và đề nghị Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu mươi (60) ngày (kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách) tiến hành triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong số các cổ đông của VietinBank thay thế và tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban kiểm soát.

3. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát theo quy định hiện hành. Trường hợp các thành viên Ban kiểm soát còn lại không phải là cổ đông, trong thời hạn sáu mươi (60) ngày (kể từ ngày nhận đơn xin từ chức Trưởng Ban kiểm soát) Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để quyết định số thành viên Ban kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ này và bầu thành viên Ban kiểm soát trong số các cổ đông của VietinBank, sau đó tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban kiểm soát.

4. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

5. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Ban kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ này, trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát

theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

6. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 62. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên của nhiệm kỳ Ban kiểm soát để bầu Trưởng Ban và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tổ chức trong vòng ba mươi (30) ngày sau ngày thành lập. Thành viên Ban kiểm soát có số phiếu bầu cao nhất sẽ phải triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm họp trước ngày họp dự kiến ít nhất bảy (7) ngày. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.

3. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

- (i) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- (ii) Ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng quản trị;
- (iii) Trưởng Ban kiểm soát;
- (iv) Ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát trở lên;
- (v) Tổng Giám đốc;
- (vi) Giám đốc Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi VietinBank đặt trụ sở chính.

4. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại các Điều 62.3(i), 62.3(ii), 62.3(iv), 62.3(v) hoặc 62.3(vi), Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường.

Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi VietinBank đặt trụ sở chính và tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban, trình NHNN chuẩn y theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

5. Địa điểm họp:

Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của VietinBank.

6. Thông báo và chương trình họp:

- (i) Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau năm (5) ngày kể từ gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về
 - (ii) Những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban kiểm soát trước khi họp.
7. Số thành viên tham dự yêu cầu:
- (i) Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền.

Trường hợp triệu tập họp Ban kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban kiểm soát lần thứ hai trong thời gian không quá mười lăm (15) ngày tiếp theo.

Sau hai lần triệu tập họp Ban kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban kiểm soát.

8. Biểu quyết:
- (i) Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.
 - (ii) Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
 - (iii) Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.
 - (iv) Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được

nêu trong Điều 45.3 sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

9. Công khai lợi ích:

Thành viên Ban kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thỏa thuận dự kiến giao kết với VietinBank phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cuộc họp Ban kiểm soát, tại đây Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

10. Biểu quyết đa số:

- (i) Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự hợp chấp thuận.
- (ii) Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).

11. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

- (i) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
- (ii) Số lượng thành viên Ban kiểm soát có mặt tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban kiểm soát.

12. Biên bản họp Ban kiểm soát:

Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi biên bản. Sổ biên bản và biên bản cuộc họp Ban kiểm soát phải được lưu giữ và bảo quản tại Ban kiểm soát.

MỤC XIII. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA VIETINBANK**Điều 63. Cơ cấu tổ chức của VietinBank**

Vietinbank được tổ chức theo hệ thống thống nhất (Sơ đồ 1 đính kèm), bao gồm:

1. Trụ sở chính;
2. Sở giao dịch, các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, các Đơn vị sự nghiệp, các Công ty trực thuộc;

Danh sách Sở giao dịch, Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, công ty trực thuộc của VietinBank đến thời điểm ban hành Điều lệ này được ghi trong Phụ lục đính kèm. Danh sách này được thay đổi, bổ sung khi có sự tách, nhập, giải thể, thành lập mới theo quy định của pháp luật.

3. Các phòng giao dịch, điểm giao dịch, quỹ tiết kiệm;
4. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 64. Cơ cấu tổ chức của trụ sở chính

Tổ chức bộ máy quản lý và điều hành tại trụ sở chính (Sơ đồ 2 đính kèm), bao gồm:

1. Hội đồng quản trị;
2. Ban kiểm soát;
3. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc;

Điều 65. Bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc

1. Các Phó Tổng Giám đốc;
2. Kế Toán trưởng;
3. Các Ban, Phòng nghiệp vụ chuyên môn.

Điều 66. (Các) Đơn vị phụ thuộc, Đơn vị sự nghiệp

1. Sở giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp được đặt tại các địa bàn cần thiết cho hoạt động kinh doanh của VietinBank. Việc mở, thành lập và chấm dứt hoạt động của Sở giao dịch, các chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

- (i) Sở giao dịch là đơn vị phụ thuộc của VietinBank, có con dấu, có nhiệm vụ thực hiện một phần các hoạt động của VietinBank và một số chức năng có liên quan đến các chi nhánh theo ủy quyền của VietinBank.
- (ii) Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của VietinBank, có con dấu, có nhiệm vụ thực hiện một phần các hoạt động của VietinBank theo ủy quyền của VietinBank.
- (iii) Văn phòng đại diện của Vietinbank là đơn vị phụ thuộc, có con dấu, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền của VietinBank. Văn phòng đại diện không thực hiện hoạt động kinh doanh.

- (iv) Đơn vị sự nghiệp của VietinBank là đơn vị phụ thuộc, có con dấu, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ ngân hàng, đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ thuật cho cán bộ, nhân viên của VietinBank và thực hiện các nhiệm vụ khác do VietinBank giao phù hợp với quy định của pháp luật.
- 2. Tổ chức bộ máy của Sở giao dịch, Chi nhánh (Sơ đồ 3 đính kèm), bao gồm:
 - (i) Giám đốc;
 - (ii) (Các) Phó Giám đốc;
 - (iii) Trưởng phòng Kế toán;
 - (iv) Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ;
 - (v) Các phòng giao dịch, điểm giao dịch, quỹ tiết kiệm, tổ tín dụng;
- 3. Cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện VietinBank do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với quy định của pháp luật.
- 4. Tổ chức bộ máy kinh doanh, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp được cụ thể hoá trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của đơn vị đó và cơ chế khác của VietinBank.

Điều 67. (Các) công ty trực thuộc

- 1. VietinBank có (các) công ty trực thuộc hoạt động trong nước, nước ngoài trên một số lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và lĩnh vực khác theo quy định của Chính phủ.
- 2. Công ty trực thuộc là công ty mà:
 - (i) VietinBank sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó; hoặc
 - (ii) VietinBank có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm trên một nửa (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị và trên một nửa (1/2) tổng số thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc của công ty đó; hoặc
 - (iii) VietinBank có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.
- 3. Công ty trực thuộc của VietinBank là công ty hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân, chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ, cam kết của mình trong phạm vi số vốn do doanh nghiệp quản lý, sử dụng; có quyền tự chủ kinh doanh và tự chủ tài chính trong phạm vi được VietinBank xác định; chịu sự chi phối của VietinBank về tổ chức, nhân sự và tài chính được xác định cụ thể trong Điều lệ về tổ chức và hoạt động của công ty trực thuộc đó và các quy định khác của Vietinbank.
- 4. Cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của công ty trực thuộc VietinBank thực hiện theo quy định của Chính phủ đối với từng loại hình công ty trực thuộc được phép thành lập.

MỤC XIV. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ VIETINBANK**Điều 68. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông lớn được quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, bằng một yêu cầu bằng văn bản, thẩm tra danh sách các cổ đông của VietinBank và các biên bản của Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc tại trụ sở kinh doanh chính của VietinBank và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu của người được ủy quyền phải được kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác có quyền kiểm tra sổ cái của VietinBank, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của VietinBank vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. VietinBank sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung của nó, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với các tài sản, các báo cáo tài chính hàng năm đã được xác nhận của kiểm toán độc lập xác nhận, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác trong địa bàn hoạt động của trụ sở chính với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Mỗi cổ đông sẽ có quyền nhận được một bản sao Điều lệ này miễn phí. Nếu VietinBank có một trang web, Điều lệ sẽ được công bố trên trang web này.

MỤC XV. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ ĐOÀN THỂ**Điều 69. Người lao động và công đoàn**

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của VietinBank với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của VietinBank và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 70. Hoạt động của Tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong VietinBank

1. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong VietinBank hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong VietinBank

hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó cùng nhằm mục tiêu xây dựng VietinBank vững mạnh.

MỤC XVI. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 71. Cổ tức

1. VietinBank chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của VietinBank nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất trên cơ sở trung thực sau khi đã lấy ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được công khai gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên VietinBank, tên và địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng loại cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của VietinBank.

2. VietinBank sẽ không trả lãi suất cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do tổ chức tín dụng, công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

4. Bất cứ cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng tiền Đồng và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và cổ đông đó phải chịu rủi ro. Ngoài ra, bất kỳ cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi VietinBank đã được cung cấp chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép VietinBank thực hiện được việc chuyển khoản những khoản tiền đó trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. VietinBank sẽ không bị truy đòi đối với bất kỳ khoản tiền nào được VietinBank chuyển bằng chuyển khoản ngân hàng nhưng cổ đông thụ hưởng không nhận được nếu VietinBank đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do chính cổ đông đó cung cấp. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.

5. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị

có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của VietinBank. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

MỤC XVII. HỆ THỐNG KIỂM TOÁN, KIỂM TRA VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 72. Hội đồng kiểm toán

1. Hội đồng quản trị sẽ thành lập một Hội đồng kiểm toán với tư cách là một hội đồng trực thuộc Hội đồng quản trị. Hội đồng kiểm toán sẽ có ít nhất ba (3) thành viên là thành viên Hội đồng quản trị và có một Chủ tịch do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Mỗi thành viên Hội đồng kiểm toán phải là các thành viên độc lập không chuyên trách của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm, bãi nhiệm và thay thế các thành viên của Hội đồng kiểm toán. Ít nhất một trong số các thành viên của Hội đồng kiểm toán phải có chuyên môn về kế toán và kiểm toán.

2. Ít nhất một nửa (1/2) tổng số thành viên Hội đồng kiểm toán phải có mặt để hội đủ số thành viên cần thiết và khi đa số thành viên của Hội đồng kiểm toán thống nhất về các hành động hay thông qua các nghị quyết thì có nghĩa những hành động và nghị quyết đó đã được Hội đồng kiểm toán thông qua.

3. Không thành viên nào trong Hội đồng kiểm toán của VietinBank được tham gia vào Hội đồng kiểm toán tại bất kỳ ngân hàng nào khác.

4. Hội đồng kiểm toán phải có chức năng và có trách nhiệm đảm bảo giám sát đối với:

- (i) Tính thống nhất trong các Báo cáo Tài chính của VietinBank;
- (ii) VietinBank tuân thủ các yêu cầu pháp luật và thể chế;
- (iii) Hiệu quả của các hoạt động kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
- (iv) Trình độ nghiệp vụ và tính độc lập của các kiểm toán viên độc lập;
- (v) Công việc của các kiểm toán viên nội bộ và các kiểm toán viên độc lập của VietinBank;
- (vi) Các tiêu chuẩn và hướng dẫn về chính sách đối với các giao dịch tài chính, quản lý vốn và kế hoạch tài chính cũng như hoạt động ngân hàng.

5. VietinBank thành lập Bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc và chịu chỉ đạo, điều hành của Ban kiểm soát, thực hiện kiểm tra, rà soát đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; hệ thống nhận dạng và quản lý

rủi ro; phương pháp đánh giá vốn hệ thống thông tin báo cáo tài chính và thông tin quản lý; các quy trình, quy định nội bộ của VietinBank.

Điều 73. Hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ

1. VietinBank sẽ thiết lập một hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ giúp Tổng Giám đốc điều hành thông suốt, an toàn, đúng pháp luật mọi hoạt động của VietinBank.

2. VietinBank có thể thành lập một bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ chuyên trách, giúp việc cho Tổng Giám đốc thực hiện hoạt động kiểm tra, kiểm soát hoạt động của VietinBank. Bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ chuyên trách chịu sự điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc.

Điều 74. Tiêu chuẩn nhân viên Bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ chuyên trách

Nhân viên Bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ chuyên trách của VietinBank có các tiêu chuẩn chung của nhân viên VietinBank và có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- (i) Hiểu biết pháp luật, thông thạo nghiệp vụ mà mình đảm nhận;
- (ii) Có bằng đại học về ngân hàng hoặc kinh tế, kế toán tài chính;
- (iii) Có thời gian công tác ngân hàng ít nhất là ba (3) năm; và
- (iv) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Tổng Giám đốc.

Điều 75. Trách nhiệm của Bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ chuyên trách

1. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật và các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của VietinBank tại trụ sở chính, Sở giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Công ty trực thuộc của VietinBank; giúp Tổng Giám đốc thực hiện việc tự kiểm tra để tổng hợp, rà soát, đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm phát hiện, ngăn ngừa và kịp thời kiến nghị xử lý những tồn tại, sai phạm trong mọi hoạt động nghiệp vụ, hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của NHNN, đảm bảo VietinBank hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

2. Báo cáo kịp thời với Tổng Giám đốc kết quả kiểm tra, kiểm soát nội bộ và nêu những kiến nghị khắc phục khuyết điểm, tồn tại.

3. Các trách nhiệm khác theo quy định của Tổng Giám đốc phù hợp với quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này.

Điều 76. Quyền hạn của Bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ chuyên trách

Bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ chuyên trách có các quyền hạn sau:

1. Yêu cầu các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trực tiếp làm nghiệp vụ giải trình các công việc đã làm, đang làm, xuất trình văn bản chỉ đạo chứng từ sổ sách ghi chép và các tài liệu có liên quan khác (khi cần thiết) trong hoạt động để phục vụ việc kiểm tra, kiểm soát.

2. Đề nghị Tổng Giám đốc thành lập đoàn kiểm tra, phúc tra để thực hiện

các nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát định kỳ hoặc đột xuất.

3. Kiến nghị Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc (Sở giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Công ty trực thuộc) xử lý theo thẩm quyền đối với những đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, các quy định của NHNN và của VietinBank.

4. Các quyền khác được Tổng Giám đốc giao phù hợp với quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này.

MỤC XVIII. CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Điều 77. Chế độ tài chính

1. VietinBank chấp hành chế độ tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc VietinBank chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của Vietinbank.

Điều 78. Sử dụng vốn

1. VietinBank được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

2. VietinBank được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. VietinBank được điều động vốn và tài sản giữa các công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập.

Điều 79. Các quỹ dự trữ

VietinBank được trích lập các quỹ sau:

- (i) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- (ii) Quỹ dự phòng tài chính;
- (iii) Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ;
- (iv) Quỹ khen thưởng;
- (v) Quỹ phúc lợi; và
- (vi) Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 80. Tự chủ về tài chính của Vietinbank

VietinBank tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 81. Kế toán và thuế

1. VietinBank thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

2. Năm tài chính của VietinBank bắt đầu từ ngày 01 tháng 1 và kết thúc vào

ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

3. VietinBank sẽ lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. VietinBank phải lập sổ kế toán theo loại hình kinh doanh. Các sổ sách đó phải chính xác cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.

4. VietinBank thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do NHNN quy định.

Điều 82. Báo cáo tài chính

1. VietinBank lập các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của NHNN.

2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một báo cáo quyết toán lỗ lãi cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình lãi và lỗ của VietinBank trong năm tài chính và một bản cân đối tài sản cho thấy một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của VietinBank cho đến thời điểm lập Báo cáo quyết toán lỗ lãi.

3. Ngoài những báo cáo định kỳ, VietinBank báo cáo ngay với NHNN trong những trường hợp sau:

- (i) Diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của VietinBank; và
- (ii) Thay đổi lớn về cơ cấu tổ chức của VietinBank.

4. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VietinBank nộp NHNN các báo cáo hàng năm theo quy định của pháp luật.

5. Trong trường hợp VietinBank thực hiện niêm yết chứng khoán thì phải tuân thủ các quy định của pháp luật về việc lập báo cáo tài chính đối với công ty niêm yết.

Điều 83. Công bố thông tin

1. Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được gửi cho cơ quan thuế có thẩm quyền và NHNN cũng như phải được công bố trong vòng một trăm hai mươi ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Trong vòng một trăm hai mươi (120) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VietinBank phải công khai báo cáo tài chính của mình theo quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp VietinBank thực hiện niêm yết chứng khoán thì phải tuân thủ các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 84. Kiểm toán

1. Chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước khi kết thúc năm tài chính, VietinBank phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của NHNN để kiểm toán các hoạt động của mình.

2. VietinBank sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho công ty

kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.

3. Tổ chức kiểm toán độc lập của VietinBank sẽ kiểm tra, xác thực và báo cáo trên cơ sở báo cáo kế toán hàng năm các khoản thu chi của VietinBank và phải chuẩn bị báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (2) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của VietinBank.

5. Kiểm toán viên của tổ chức kiểm toán độc lập sẽ được phép tham dự bất kỳ Đại hội đồng cổ đông nào và thu thập các thông báo và các thông tin khác liên quan đến bất kỳ cuộc họp nào mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề của Đại hội có liên quan đến kiểm toán viên.

6. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của VietinBank được thực hiện theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của NHNN.

MỤC XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 85. Kiểm soát đặc biệt

1. Trong trường hợp VietinBank có nguy cơ mất khả năng chi trả cho khách hàng của mình, VietinBank phải báo cáo ngay với NHNN về thực trạng tài chính, nguyên nhân và các biện pháp đã áp dụng, dự kiến áp dụng để khắc phục.

2. VietinBank có thể bị NHNN đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt trong những trường hợp sau:

- (i) Có nguy cơ mất khả năng chi trả;
- (ii) Nợ không có khả năng thu hồi và có nguy cơ mất khả năng thanh toán; hoặc
- (iii) Tổng số lỗ lũy kế của VietinBank lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng số vốn điều lệ thực có và các quỹ dự trữ.

3. Trường hợp cấp bách, để đảm bảo khả năng chi trả tiền gửi hoặc tiền lãi của khách hàng, VietinBank có thể được các tổ chức tín dụng khác hoặc NHNN cho vay đặc biệt. Khoản vay đặc biệt này sẽ được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác của VietinBank.

Điều 86. Phá sản Vietinbank

Việc phá sản VietinBank thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 87. Giải thể VietinBank

Vietinbank bị giải thể trong các trường hợp sau:

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định giải thể và chấm dứt hoạt động VietinBank theo quy định của pháp luật và được NHNN chấp thuận.

2. Khi hết hạn hoạt động VietinBank không xin gia hạn Giấy phép hoạt động hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận.

3. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 88. Thanh lý Vietinbank

1. Trường hợp VietinBank bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý VietinBank được thực hiện theo quy định của Luật Phá sản.
2. Khi giải thể theo Điều 87 của Điều lệ này, VietinBank tiến hành thanh lý ngay dưới sự giám sát của NHNN.
3. Mọi chi phí liên quan đến việc thanh lý do VietinBank bị thanh lý chịu.

MỤC XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 89. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của VietinBank dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 90. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Bất cứ khi nào một sự tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của VietinBank hay tới quyền của các cổ đông nảy sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thực hiện hiện hành và bất kỳ luật hoặc các quy định hành chính nào khác quy định, giữa:

- (i) Một cổ đông hay các cổ đông và VietinBank; hoặc
- (ii) Bất kỳ cổ đông hay các cổ đông và Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng hai mươi một ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

2. Nếu không có quyết định nào đạt được trong hòa giải trong vòng chín

mười (90) ngày kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của hòa giải viên không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

MỤC XXI. THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 91. Thông tin định kỳ

1. VietinBank thông tin định kỳ cho chủ tài khoản về những giao dịch và số dư trên tài khoản của họ tại VietinBank.

2. VietinBank được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động ngân hàng và về khách hàng.

3. VietinBank có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho NHNN về tình hình hoạt động kinh doanh, nhân sự theo yêu cầu của NHNN và được NHNN cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động ngân hàng của những khách hàng có quan hệ với VietinBank.

Điều 92. Nghĩa vụ bảo mật

1. Nhân viên của VietinBank và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật quốc gia và bí mật kinh doanh của VietinBank mà mình biết.

2. VietinBank được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tài sản của khách hàng và hoạt động của VietinBank, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

MỤC XXII. ĐIỀU KHOẢN HIỆU LỰC

Điều 93. Áp dụng trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật thay đổi

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được trích dẫn trong Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc chấm dứt thi hành thì VietinBank sẽ tiến hành thủ tục sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Điều lệ mới cho phù hợp. Trong thời gian Điều lệ này chưa được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì VietinBank áp dụng theo các quy định mới của pháp luật.

Điều 94. Sửa đổi, bổ sung

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phải được Thống đốc NHNN chuẩn y.

Điều 95. Ngày hiệu lực

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được NHNN chuẩn y.